TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 152 /2024/ DS-ST
Ngày: 23 - 5 -2024
V/v tranh chấp Hợp đồng mua bán và vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **NGUYỄN PHƯỚC TƯỜNG**
2. Ông **QUÁCH TRUNG SƠN**
- *Thư ký phiên tòa*: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký tòa án.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà:* Không có tham gia.

Trong ngày 23 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 761/ 2023/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp Hợp đồng mua bán và vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153 /2024/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Ngô Thị P**, sinh năm 1978.
Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
Đại diện ủy quyền: Ông **Lê Văn D**, sinh năm 1953
Địa chỉ: 273/40/1 Nguyễn Văn Đậu, phường P, quận K, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Chị **Dương Thị Kiều T**, sinh năm 1985.
Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1984
Cùng địa chỉ: ấp D, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Ngô Thị P tại đơn khởi kiện trình bày: Năm 2022 bà nhiều lần bán gạo cho vợ chồng chị T, anh H. Đến ngày 17/01/2023 chị T làm giấy xác nhận công nợ với số tiền 231.800.000đồng, sau đó vợ chồng chị T trả được

50.000.000đồng, hiện còn nợ 181.800.000 đồng. Bà yêu cầu chị T, anh H trả 181.800.000 đồng tiền vốn và lãi phát sinh 10%/ năm do chậm trả tạm tính là 1.545.000 đồng. Tổng cộng là 186.345.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 03 tháng 5 năm 2024, đại diện ủy quyền nguyên đơn xác định vợ chồng chị T còn nợ bà P 160.200.000đồng. Yêu cầu chị T, anh H trả 160.200.000đồng và trả lãi 10%/năm do chậm trả tính từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử.

Tại tại phiên tòa, nguyên đơn và đại diện ủy quyền nguyên đơn xác định vợ chồng chị T còn nợ bà P 160.200.000đồng tiền vay và mua bán tài sản. Yêu cầu chị T, anh H trả 160.200.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn chị Dương Thị Kiều T tại tờ tự khai trình bày: Chị và bà P là bạn bè, chị có vay tiền bà P nhiều lần để mua lúa gạo. Đến ngày 17/01/2023 bà P kêu chị viết biên nhận với số tiền nợ là 231.800.000đồng, sau đó chị trả chị P rất nhiều lần, hiện còn nợ 160.200.000đồng. Lúc trước chị P hứa cho chị trả 80.000.000đồng nên chị đồng ý trả chị P 80.000.000đồng, trả làm 04 lần, 03 tháng trả 01 lần và xin bỏ lãi.

Tại biên bản hòa giải chị T đồng ý trả cho chị P 160.200.000đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đồng, không đồng ý trả lãi.

Tại phiên tòa, chị T đồng ý trả cho chị P 160.200.000đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đồng.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày và ý kiến của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền mua bán và vay tài sản còn thiếu. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo qui định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện C theo qui định tại điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Sự thay đổi yêu cầu khởi kiện: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả 160.200.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Xét thấy, đây là quyền tự định đoạt của đương sự phù hợp điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên ghi nhận.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy, tại phiên tòa các bên đã thống nhất số tiền vợ chồng chị T còn nợ bà P là 160.200.000đồng. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo qui định tại điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy, giữa vợ chồng chị T, anh H với bà P có phát sinh giao dịch dân sự trên thực tế. Anh chị đã vi phạm thỏa thuận trả tiền làm thiệt hại đến quyền lợi của bà P nên bà khởi kiện anh chị là có cơ sở. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị T, anh H xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đồng, không được bà P chấp nhận nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét, các bên có quyền thỏa thuận tại giai đoạn thi hành án. Cho nên Hội đồng xét xử buộc chị T, anh H pH trả cho bà P 160.200.000 đồng tiền hụi là có cơ sở.

[3]. Án phí: Chị T, anh H phải chịu án phí theo qui định tại điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVHU14 ngày 30/12/2016 do yêu cầu khởi kiện của bà P được chấp nhận. Tuy nhiên, anh chị có đơn xin miễn giảm án phí lý do hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương nên được giảm 50% án phí pH chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 430, 440, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị P.

Buộc chị Dương Thị Kiều T và anh Nguyễn Văn H phải trả cho bà Ngô Thị P số tiền vốn là 160.200.000đồng.

2. Về án phí: Chị Dương Thị Kiều T và anh Nguyễn Văn H phải chịu 4.005.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại bà Ngô Thị P 4.659.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014727 ngày 14/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

3.1. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bà P có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị T, anh H chậm thi hành số tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3.2. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi

hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về thời hạn kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

TRẦN TÚ ANH